

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-10-2018  
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Oanh Kiều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ninh;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Thanh S, sinh năm 1982;

HKTT: Tổ 04, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị T, anh S vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trương Thị Ngọc T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị T và anh Đinh Thanh S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2005 đến năm 2012 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/2012/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Sau khi ly hôn vì con chung nên năm 2013,

chị T và anh S cố gắng quay về chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng vẫn thường xuyên cự cãi, không thể hòa hợp, không hạnh phúc. Từ khoảng năm 2016, anh S đã bỏ nhà về nhà ba mẹ ruột tại xã N sống cho đến nay, bỏ mặc vợ con không quan tâm, chăm sóc. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Đinh Thanh S.

Về con chung: Chị T và anh S chung sống có 02 con chung là Đinh Khang Đ, sinh ngày 28/4/2006 và Đinh Trương Huỳnh Y, sinh ngày 28/6/2013. Chị T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đinh Thanh S trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian và quá trình chung sống hôn nhân anh S không có ý kiến trình bày. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh S không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con.

Về con chung: Anh S thống nhất với lời trình bày của chị T về con chung. Nếu ly hôn thì anh S đồng ý với yêu cầu của chị T về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Trương Thị Ngọc T và anh Đinh Thanh S vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Trương Thị Ngọc T.

Về con chung: Giao chị Trương Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung cháu Đinh Khang Đ, sinh ngày 28/4/2006 và Đinh Trương Huỳnh Y, sinh ngày 28/6/2013, chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Ngọc T và anh Đinh Thanh S là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh S.

[2] Về hôn nhân: Sau khi ly hôn vào năm 2012, chị T và anh S quay về chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 18/4/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh S chung sống vợ chồng năm 2005, trong thời gian chung sống đã có nhiều mâu thuẫn dẫn đến năm 2012 thì ly hôn. Sau đó chị T và anh S lại quay về chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Thực tế anh S về nhà ba mẹ ruột sống từ hơn 1 năm nay. Xét thấy, bản thân chị T và anh S đã cho nhau rất nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh S thống nhất anh, chị có 02 con chung là Đinh Khang Đ, sinh ngày 28/4/2006 và Đinh Trương Huỳnh Y, sinh ngày 28/6/2013 và giao cho chị T được nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của chị T và anh S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc T: Chị Trương Thị Ngọc T được ly hôn với anh Đinh Thanh S.

2. *Về con chung:* Giao chị Trương Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Khang Đ, sinh ngày 28/4/2006 và Đinh Trương Huỳnh Y, sinh ngày 28/6/2013. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trương Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005146 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Ngọc T và anh Đinh Thanh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (Tr)

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Oanh Kiều**